

NHÌN LẠI HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC — KỸ THUẬT CỦA VIỆN CHĂN NUÔI 10 NĂM QUA: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU — TỒN TẠI — TRIỂN VỌNG

NGUYỄN VĂN THƯỜNG

VIỆN Chăn nuôi được thành lập và hoạt động đến nay đã 10 năm.

Trong 10 năm qua, công tác nghiên cứu của Viện Chăn nuôi đã thu được một số kết quả phục vụ sản xuất và đã rút được một số kinh nghiệm trong việc vận dụng đường lối khoa học, kỹ thuật của Đảng vào công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật chăn nuôi.

Xuất phát từ yêu cầu của sản xuất trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, cơ sở vật chất - kỹ thuật cho công tác nghiên cứu còn nghèo, đội ngũ cán bộ nghiên cứu còn thiếu, lại phải hoạt động trong điều kiện phòng không sơ tán. Viện Chăn nuôi trong suốt thời gian qua đã bám sát sản xuất, tiến hành công tác nghiên cứu ở các cơ sở sản xuất như nông trường, trạm trại tỉnh và các trại chăn nuôi tập thể, tập trung nghiên cứu phục vụ sản xuất quốc doanh và tập thể, dần từng bước chuyển hướng nghiên cứu ở trung du và miền núi, phối hợp chặt chẽ 3 khâu: phòng thí nghiệm, trạm trại thí nghiệm và điểm thực nghiệm, lấy điểm thực nghiệm làm khâu cuối cùng để khảo nghiệm và chứng minh kết quả các công trình nghiên cứu của Viện.

Dựa vào nông trường và hợp tác xã làm công tác nghiên cứu, Viện cũng chủ trương lấy nông trường và hợp tác xã làm điểm thực nghiệm khoa học và xây dựng nó thành điểm mẫu tiên tiến về kỹ thuật để dễ phổ biến ra diện.

Sau khi có Nghị quyết 19 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Viện đã bước đầu tập trung nghiên cứu phục vụ sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên địa bàn huyện, đồng thời phối hợp ở mức cao hơn nghiên cứu cơ bản

với nghiên cứu ứng dụng, lấy nghiên cứu ứng dụng làm chính, kết hợp nghiên cứu phục vụ trước mắt với nghiên cứu lâu dài, lấy nghiên cứu phục vụ trước mắt làm trọng tâm.

Về lực lượng cán bộ, Viện đã cố gắng bồi dưỡng đào tạo và xây dựng đội ngũ cán bộ có trình độ vạch ra các chương trình nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và có khả năng chủ trì các đề tài khoa học, hướng dẫn đồng đội làm công tác nghiên cứu, góp phần xây dựng các công trình nghiên cứu của ngành.

Về nội dung và đối tượng nghiên cứu, đến nay Viện đã bố trí được lực lượng nghiên cứu gia súc nhỏ (lợn, gia cầm) và gia súc lớn (trâu, bò, ngựa v.v...). Về các mặt: thức ăn, đồng cỏ, giống, kỹ thuật, sinh lý di truyền, sinh sản và thụ tinh nhân tạo, nhằm giải quyết các khâu chủ yếu như nuôi thích nghi giống ngoại, lai tạo giống mới, chăn nuôi theo lối công nghiệp, nâng cao khả năng sinh sản và sinh trưởng các loại gia súc, gia cầm (lợn, gà, trâu, bò...) nhằm đẩy mạnh tăng năng xuất chăn nuôi góp phần giải quyết vấn đề lương thực và thực phẩm cho đất nước.

Quá trình xây dựng Viện là quá trình đấu tranh vận dụng đường lối khoa học của Đảng vào công tác tổ chức nghiên cứu chăn nuôi, là quá trình phấn đấu suy nghĩ xác lập các nội dung và phương pháp nghiên cứu, đề hàng năm, với đà tiến lên của yêu cầu sản xuất, các công trình nghiên cứu của Viện có thể đáp ứng được cái cần, cái khó của sản xuất trong điều kiện chiến tranh, cơ sở vật chất còn nghèo, nhằm phục vụ được đời sống nhân dân.

Vận dụng những hiểu biết về chuyên môn vào thực tiễn sản xuất của đất nước, trong

quá trình từ sản xuất tiến hành công tác nghiên cứu để trở lại phục vụ sản xuất. Viện Chăn nuôi đã đạt được một số kết luận khoa học, góp phần đắc lực cho sản xuất và biến thành chủ trương kinh tế của ngành và được ghi vào các kế hoạch phát triển kinh tế của Nhà nước, như: *kết luận một số công thức lai kinh tế lợn* áp dụng trong sản xuất có thể đưa trọng lượng lợn xuất chuồng từ 45-50 kg lên đạt 45-100 kg. Đưa tiến bộ kỹ thuật này vào sản xuất, phần đầu đưa lợn lai kinh tế lên đạt tỷ lệ 15-20% là có thể góp phần thực hiện được 28-30% chỉ tiêu một triệu tấn thịt hơi; *kết luận về nuôi thích nghi lợn ngoại* (Yorkshire, Berkshire, Landrac, Đuróc), bò Hà Lan, trâu Mura, khẳng định giống lợn Yorkshire có thể dùng lai kinh tế với lợn nội đạt hiệu quả cao; gần đây ta nhập một số giống lợn Edel, lợn Corwai nuôi thích nghi cũng cho kết quả tương tự; *khẳng định giống bò sữa Hà Lan có thể nuôi được ở nước ta* để lấy sữa (bình quân 4000-4500 kg sữa/chu kỳ vắt sữa), song chỉ nuôi được ở những vùng có nhiệt độ dưới 21°C. còn nuôi trâu Mura lấy sữa thì nuôi ở vùng nào cũng được, không có gì khó khăn; *kết luận về dùng bò U gốc Ấn Độ* cho lai với bò vàng Việt Nam có thể tăng trọng lượng từ 200 kg ở bò nội lên đạt 275 kg ở bò lai, lượng sữa tăng gấp đôi, và tỷ lệ thịt xẻ cũng tăng được từ 44% lên 49%, từ đàn bò có máu bò U gốc Ấn Độ cho lai với đực giống Hà Lan tạo được đàn giống F1 lấy sữa bình quân 1800 kg sữa/305 ngày với tỷ lệ mỡ sữa 4,0-4,2%; *kết luận về đặc điểm sinh học và khả năng cho sữa của trâu nội*, lai trâu nội với trâu đực Mura, trâu lai F1 hơn hẳn trâu nội và sản lượng sữa, sức kéo và tỷ lệ thịt xẻ, so với bò lai F1 Hà Lan, trâu F1 Mura dễ nuôi và nuôi ở vùng nào cũng được, không bị hạn chế bởi vùng nuôi; *kết luận về một số giống cỏ nhập nội*, xác định một số giống cỏ như cỏ voi, cỏ pangola, cỏ Ghinê, cỏ Guatemala, cỏ stylósanthesgracilis và stylesantheshumilis có thể gieo trồng tốt ở nhiều vùng khác nhau; khẳng định muốn chăn nuôi trâu bò tốt, nhất là trâu bò sữa, phải trồng cỏ và giành đất trồng cỏ thâm canh; *kết luận về tiêu chuẩn ăn, khẩu phần ăn cho các loại gia súc, gia cầm*, đặc biệt cho các giống lợn và các loại lợn. Từ kết quả về phân tích thành phần dinh dưỡng thức ăn, nghiên cứu tìm nguồn thức ăn và nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn ăn cho các loại gia súc gia cầm của Viện, ta đã gây được phong trào « tắt bếp » chuyển từ cho lợn ăn chín sang ăn sống giảm được chất đốt và lao động, tổ chức được phong trào quần chúng chăn nuôi theo khẩu phần, áp dụng trước hết ở các trại chăn nuôi tập thể và các nông trường quốc doanh; *kết luận về đặc điểm phẩm*

chất tinh dịch các giống lợn, trâu, bò, vịt và các biện pháp kỹ thuật dùng trong thụ tinh nhân tạo cho lợn và trâu bò, góp sức hình thành mạng lưới thụ tinh nhân tạo ở các địa phương đưa hiệu quả sử dụng đực giống tăng lên 4-6 lần.; *kết luận về dùng kích dục tố* (huyết thanh ngựa chữa-progesterol) chống nân sồi và gây động hơn hàng loạt.

Cùng với kết luận về lai kinh tế và cũng từ kết quả nghiên cứu các công thức tạo giống, Viện Chăn nuôi hiện đang trên đà lai tạo và có khả năng kết luận và cho ra sản xuất giống lợn mới và giống gà mới.

Lợn giống mới trong tương lai, hiện đã có đời F3 tự giao đạt năng suất và sản lượng hơn hẳn lợn I và lợn Móng Cái: lợn sơ sinh nặng 0,7-0,9 kg, trọng lượng lợn lai sữa 9-11 kg, trọng lượng lợn xuất chuồng 80-85 kg, nuôi thâm canh một lợn nái một năm có thể sản xuất được 1 tấn thịt hơi. Giống gà mới Rốt Rốt có định ở đời F1 đã đạt sản lượng trứng 150-160 quả/năm, có con đạt trên 200 quả. 3 giống này hiện đang được nhân ở địa bàn cấp huyện ở ba khu vực quốc doanh, tập thể và gia đình xã viên, được các hợp tác xã hưởng ứng. Một số giống bò sữa, trâu sữa, ngựa thồ, ngựa cưỡi cũng đang trong quá trình lai tạo, đã xác định được công thức lai tạo và đạt được một số kết quả bước đầu rất đáng phấn khởi, hiện đang được tiến hành trên những quy mô đàn lớn hơn, nhanh chóng phục vụ được sản xuất, góp phần thực hiện các chỉ tiêu thịt, trứng, sữa, sức kéo trong kế hoạch năm năm lần thứ hai.

Sau ngày giải phóng, đất nước được thống nhất, Viện Chăn nuôi cũng giành phần lớn lực lượng đi khảo sát, chăn nuôi ở Tây Nguyên, Nam Bộ, phối hợp với các trường đại học, trung học nông nghiệp và các Ty Nông nghiệp tổ chức điều tra các giống gia súc, gia cầm, thức ăn và đồng cỏ ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, các tỉnh miền Đông Nam Bộ và các tỉnh miền Trung, xác định được một số đặc điểm chính của các giống lợn, trâu, bò ở miền Tây, miền Đông Nam Bộ, miền Trung và các giống dê ở Thuận Hải, làm cơ sở và căn cứ khoa học cho việc quy hoạch khoanh vùng chăn nuôi và xây dựng các đề tài nghiên cứu chăn nuôi cho cả nước.

Cùng với công tác nghiên cứu, đội ngũ cán bộ nghiên cứu của Viện cũng được trưởng thành, cơ sở vật chất kỹ thuật cũng được củng cố và xây dựng. Từ những ngày đầu khi Viện mới thành lập, Phòng Phân tích dinh dưỡng và thức ăn gia súc còn ở nhờ hợp tác xã Miền Hạ (Mỹ Đức), trại gà ở hợp tác xã Hồng Thái (Hoài Đức), trại bò với quy mô 20 con ở trại Gốc Mít (Ba Vì) trại trâu và trại ngựa quy mô không đáng kể ở Ngọc Thanh



Giống gà Rốt Rốt do Viện Chăn nuôi lai tạo đang được nuôi ở Hà Sơn Bình.

Ảnh : MINH TRỌNG (TTXVN)

(Vĩnh Phú) và Bá Vân (Bắc Thái). Ngày nay Viện đã được tăng cường và có thêm Trại phục vụ nghiên cứu tổng hợp lợn, gia cầm Thụy Phương với công suất 500 nái và 3 000 gà mái đẻ, Trại nghiên cứu Thỏ Ba Vì với quy mô 16 000 cái sinh sản, Nông trường nghiên cứu Bò và đồng cỏ Ba Vì...

Từ những kết quả nghiên cứu đã đạt được, một loạt các quy trình quy phạm, tiêu chuẩn như: quy trình nuôi dưỡng lợn nái, nuôi dưỡng lợn con, quy trình trồng cỏ voi, trồng cỏ stylo; quy phạm xây dựng đồng cỏ, tiêu chuẩn ăn cho lợn nái có chữa, lợn nái nuôi con, tiêu chuẩn ăn cho bò sữa Hà Lan, trâu sữa Mu-ra v.v... đã được xây dựng và ban hành cho áp dụng trong sản xuất. Phần lớn các kết luận khoa học đã được tổng kết thành những tiến bộ kỹ thuật đưa vào sản xuất. Có kết luận được chấp nhận thành chủ trương kinh tế kỹ thuật của ngành, như chủ trương lai kinh tế lợn, chủ trương dùng bò U gốc Ấn Độ cải tạo nâng cao tầm vóc và trọng lượng bò vàng Việt Nam; chủ trương nhập bò Hà Lan và trâu Mu-ra nuôi thích nghi và tạo

giống trâu bò sữa Việt Nam; chủ trương xây dựng đồng cỏ và dành đất trồng cỏ thâm canh như nghị quyết 19 của Ban chấp hành Trung ương Đảng đã ghi: « Cỏ và đồng cỏ là không thể thiếu được cho chăn nuôi trâu bò quy mô lớn ».

Hiện nay, một số kết quả nghiên cứu của Viện đang được thực nghiệm và tổ chức sản xuất từ một hợp tác xã điểm mở rộng ra địa bàn huyện. Lợn giống mới đã tổ chức được theo dạng thức này ở huyện Đan Phượng (Hà Sơn Bình), có hợp tác xã nuôi thâm canh lợn giống mới lấy thịt một nái một năm sản xuất được 1 tấn thịt hơi. Cùng với lợn giống mới, các con khác như gà Rốt Rốt, bò lai Hà Lan F₁, trâu lai Mu-ra F₁ lấy sữa cũng đang trên đà tổ chức xây dựng một trại chăn nuôi tập thể điểm như trại chăn nuôi trâu lai hợp tác xã Phù Yên, trại chăn nuôi bò lai hợp tác xã Thống Nhất (Vĩnh Phú) để dần mở ra địa bàn huyện, rồi từ địa bàn huyện trở lại chỉ đạo và chỉ phối toàn bộ mạng lưới chăn nuôi của khu vực chăn nuôi tập thể và gia đình xã viên, dần từng bước xây dựng cấp huyện

thành đơn vị kế hoạch trong đó hợp tác xã là một tế bào sản xuất như Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội Đảng lần thứ IV đã chỉ rõ.

Nhìn lại, hoạt động của Viện Chăn nuôi trong 10 năm qua đã phần nào vận dụng đường lối khoa học của Đảng vào công tác nghiên cứu chăn nuôi. Những kết quả nghiên cứu của Viện về các lĩnh vực thức ăn, giống và kỹ thuật đã đáp ứng một phần yêu cầu của sản xuất. Một số công trình nghiên cứu được đúc kết thành những tiến bộ kỹ thuật áp dụng trong sản xuất và biến thành những tiến bộ về kinh tế góp phần giải quyết các mục tiêu kinh tế của Đảng và Chính Phủ.

Tuy nhiên, cũng cần nhận định rằng các công trình nghiên cứu hàng năm đều được công bố. Các tiến bộ kỹ thuật đều có căn cứ khoa học và xuất phát từ thực tiễn, thế nhưng vẫn chưa đưa nhanh được vào sản xuất, thế này sản xuất tiến lên là do mấy tồn tại sau đây:

Trước hết, trong tăng năng suất nông nghiệp yếu tố giống hết sức quan trọng. Từ năm 1970 lại đây, khi đã đưa giống lúa xuân vào cơ cấu cây trồng, năng suất lúa ở các tỉnh phía bắc có sự biến đổi và tiến bộ rõ rệt, tạo được nhiều điển hình 7-8 tấn/ha/năm, trong chăn nuôi khi ta nhập nuôi một giống ngoại như lợn Đại Bạch, ngỗng Renan, gà công nghiệp, bò sữa Hà Lan, trâu sữa Mura v.v... ta cũng tạo được sự biến đổi tương tự. Song, thực tiễn cho thấy muốn đẩy mạnh chăn nuôi, cần phải có cơ sở thức ăn vững chắc, ở đây vấn đề thức ăn giữ vai trò quyết định, nhưng trong công tác nghiên cứu thức ăn chúng tôi mới tiến hành ở khâu chế biến, bảo quản và sử dụng, còn vấn đề nguồn thức ăn, vấn đề then chốt nhất thì trong khối Viện (Chăn nuôi và Trồng trọt) chưa có sự phân công trách nhiệm rõ ràng, do đó công tác nghiên cứu thức ăn chưa thực sự đi sâu đáp ứng cái cần, cái khó của sản xuất, chưa có cơ sở đảm bảo cho các tiến bộ kỹ thuật về giống mới, giống lai đi vào sản xuất vững chắc.

Hiện nay ta có thêm vụ đông, chủ trương làm màu đã thâm nhập vào đời sống sản xuất của giai cấp nông dân tập thể, ta lại được dành thêm đất 10 - 15% cho chăn nuôi, đây là điều kiện thuận lợi đưa tiến bộ kỹ thuật chăn nuôi vào sản xuất. Song ngoài Viện Chăn nuôi, chúng tôi nghĩ các viện cây trồng cũng cần nêu trọng tâm nghiên cứu sử dụng đất 10 - 15% dành cho chăn nuôi, như vậy ta mới chủ động giải quyết được nguồn thức ăn cho chăn nuôi, dần từng bước đưa chăn nuôi lên thành một ngành sản xuất chính trong nông nghiệp.

Một số công trình nghiên cứu có nêu được một số kết luận khoa học có giá trị, song phần ứng dụng còn hẹp hoặc chưa có điều kiện để áp dụng.

Thật vậy, thức ăn trâu bò chủ yếu là cỏ và đồng cỏ, thế mạnh chăn nuôi của trung du miền núi là trâu nuôi trâu bò, nhưng những tiến bộ kỹ thuật về trồng cỏ chỉ mới áp dụng ở đất có độ dốc 15°, còn trên đất dốc chưa tạo điển hình thuyết phục người sản xuất. Dùng bò đực U gốc Ấn Độ cải tạo với bò vàng Việt Nam thì ở đồng bằng, trung du miền núi ở đâu cũng áp dụng được, song lại thiếu đực giống Sind, lai Sind và đực Zebu. Do đó, làm sao đưa được tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất. Tiến bộ kỹ thuật về thụ tinh nhân tạo cũng ở vào tình trạng tương tự và thiếu dụng cụ lấy tinh, thụ tinh, thiếu phương tiện bảo quản và vận chuyển tinh v.v...

Từ đây, ta thấy rõ rằng muốn đưa tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất phải có những điều kiện nhất định. Nuôi bò sữa trong điều kiện hợp tác xã phải có chính sách đầu tư ban đầu, chính sách thu mua sữa, chính sách nghĩa vụ thực phẩm v.v... để khuyến khích người sản xuất thì đến nay ta vẫn chưa có. Như vậy làm sao ta có thể tổ chức nhanh được phong trào chăn nuôi trâu bò sữa trong gia đình xã viên và trong chăn nuôi tập thể.

Từ khoa học đến sản xuất không có khoảng cách nếu nghiên cứu khoa học bắt nguồn từ sản xuất và trở lại phục vụ sản xuất, kinh nghiệm đưa lợn giống mới vào địa bàn huyện Đan Phượng cho thấy: một tiến bộ kỹ thuật muốn được đưa vào sản xuất, trước hết tiến bộ kỹ thuật ấy phải đáp ứng và phục vụ được yêu cầu sản xuất của địa phương. Bất kỳ tiến bộ kỹ thuật nào dù đúng, sát thực tiễn đến đâu, nhưng nếu cấp ủy các cấp không chấp nhận thành chủ trương, ngành chuyên môn không thống nhất, và người sản xuất không tiếp thu, thì không thể nào xâm nhập được vào sản xuất, đưa sản xuất tiến lên.

Hội nghị khoa học toàn quốc lần thứ 2 đã xác định mục tiêu, nội dung các chương trình khoa học kỹ thuật và khẳng định rất rõ vai trò, vị trí của tiến bộ kỹ thuật trong thực hiện những nhiệm vụ và các chỉ tiêu của kế hoạch năm năm lần thứ hai.

Từ những kết quả nghiên cứu đã đạt được trong 10 năm qua với những bài học kinh nghiệm về tổ chức quản lý công tác nghiên cứu và đưa tiến bộ kỹ thuật vào địa bàn cấp huyện, hoạt động của Viện Chăn nuôi trong thời gian tới sẽ tập trung sức mở rộng diện thực nghiệm những kết quả nghiên cứu đã đạt được về thức ăn, giống, kỹ thuật trên địa bàn huyện ở nhiều tỉnh, trong cùng một lúc, với khẩu hiệu « lấy không gian tranh thủ thời

gian » để nhanh chóng đưa được tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, và thực hiện bằng được những chỉ tiêu của kế hoạch năm năm lần thứ hai do Đại hội Đảng lần thứ IV đề ra. Ngoài ra cũng phải khẩn trương tổ chức nghiên cứu những vấn đề thiết thực cần kíp trước mắt, đề một mặt, góp phần thực hiện kế hoạch 1976—1980, song mặt khác, rất quan trọng là đề có căn cứ kinh tế kỹ thuật cho việc xây dựng kế hoạch 1981—1985 của Trung ương. Trong đó vấn đề xây dựng nề nếp quản lý kinh tế—kỹ thuật bằng định mức tiêu chuẩn, xây dựng những căn cứ kinh tế—kỹ thuật để có thể quản lý theo kiểu nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa là rất cần thiết.

Từ cách nhìn nhận và đặt vấn đề như trên, phương hướng nghiên cứu 1978—1980 và các năm tới của Viện Chăn nuôi là hoạt động theo chương trình, tập trung nghiên cứu giải quyết nguồn thức ăn, sử dụng hợp lý đất 10—15% dành cho chăn nuôi để thu được nhiều đơn vị thức ăn trên một đơn vị diện tích, nghiên cứu chế biến, bảo quản, sử dụng hoa màu (sắn, khoai) trên đất 10—15% và ở những vùng chuyên canh lớn để có nguồn thức ăn nuôi lợn một cách vững chắc; nghiên cứu xây dựng đồng cỏ xen canh ở nhiều vùng khác nhau đưa tỷ lệ protein thâm cỏ từ 2% lên đạt 8—12% làm đồng cỏ chăn thả luân phiên; xây dựng cơ sở thức ăn vững chắc cho phát triển chăn nuôi trâu bò ở trung du và miền núi.

Trên cơ sở có nguồn thức ăn, nhanh chóng nghiên cứu thêm các công thức lai kinh tế (tạo hybrid) lợn, bò, dê, thỏ, vịt v.v... để nhanh chóng có khối lượng thịt góp phần thực hiện chỉ tiêu 1 triệu tấn thịt hơi.

Gắn liền với nghiên cứu về thụ tinh nhân tạo và những biện pháp tăng năng suất sinh trưởng và sinh sản, đẩy mạnh nghiên cứu gà công nghiệp, nghiên cứu bò thịt, xây dựng nhanh đàn lai F1 Hà Lan ở những nơi có điều kiện, gây tạo nhanh đàn trâu Mura và đàn trâu lai F1 ở bất kỳ đâu có thể làm được với tốc độ nhanh nhất để sớm có đàn trâu bò sữa quy mô lớn năm 1980 chuẩn bị cho kế hoạch khai thác sữa 1981—1985.

Lâu dài, trên cơ sở nghiên cứu thích nghi nhân thuần các giống ngoại và đưa vào những hiểu biết và những đặc điểm sinh học các giống nội, nghiên cứu lai tạo các giống mới để dần từng bước biến những giống gia súc gia cầm của ta vốn đã nhỏ con, năng suất thấp thành những giống gia súc gia cầm mới cao sản, cho thịt, trứng, sữa của Việt Nam. Bên cạnh công tác lai tạo giống mới, cần phải tiến hành nghiên cứu một số chỉ tiêu bên trong (nghiên cứu cơ bản) để những giống lai tạo ra có đủ căn cứ khoa học được công nhận là một giống mới của Việt Nam, do những nhà khoa học chăn nuôi Việt Nam tạo ra.

Để thực hiện được những nội dung nghiên cứu trên, Viện Chăn nuôi, một mặt phải phối hợp nghiên cứu với các Viện, các trường và các cơ quan khác, mặt khác phải được tăng cường chất lượng cán bộ và cơ sở vật chất.

Trong quá trình xây dựng, Viện Chăn nuôi đã được Bộ Nông nghiệp cho đầu tư xây dựng Trại Ngọc Thanh để nghiên cứu về trâu, Trại Bà Vân để nghiên cứu về ngựa. Hai cơ sở này quy mô quá bé nhỏ không phát huy được tác dụng. Những năm gần đây, Viện được Bộ giao cho quản lý Nông trường Ba Vi làm cơ sở nghiên cứu bò và đồng cỏ, xây dựng trại thử Ba Vi nghiên cứu về thỏ, xây dựng Trại Thụy Phương nghiên cứu lợn và gà... Thật là lý tưởng nếu có được một cơ sở nghiên cứu để lấy thịt và sữa, vì như vậy, Viện Chăn nuôi sẽ có được hệ thống trạm trại nghiên cứu hoàn chỉnh, đầy đủ cho các con lợn, gà, thỏ, trâu, bò và dê.

Mặc dù chưa có cơ sở nào được đầu tư xây dựng cơ bản xong, song đó đã là một hệ thống cơ sở vật chất—kỹ thuật cho công tác nghiên cứu chăn nuôi rất quý, báo hiệu và đánh dấu bước trưởng thành của Viện Chăn nuôi hiện đại và tương lai.

Chắc chắn trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Viện Chăn nuôi sẽ hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phục vụ sản xuất nông nghiệp xã hội chủ nghĩa trong cả nước, góp phần sớm xây dựng ngành chăn nuôi thành một ngành sản xuất chính của nước ta.

Về nâng cao chất lượng...

(Tiếp theo trang 35)

tài liệu hướng dẫn sử dụng máy kéo không thể đề cập sâu được.

Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị

quyết 2 của Trung ương Đảng là « Đẩy mạnh tốc độ cơ giới hóa nông nghiệp, chú trọng cơ giới hóa trước khâu làm đất, làm thủy lợi, khai hoang, vận chuyển, thu hoạch, phơi sấy chế biến, nhất là tập trung giải quyết vấn đề sức kéo ». Nhà máy cơ khí nông nghiệp đang tập trung mọi cố gắng để nhanh chóng nâng cao sản lượng máy kéo Bông Sen với chất lượng ổn định và tốt hơn.